

ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SỰ PHẠM CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG

Trương Thị Thảo¹, Phạm Thị Hồng Vinh², Nguyễn Thị Minh Nguyệt²

TÓM TẮT

Chuyển đổi số đặt ra những yêu cầu mới đối với đào tạo năng lực sự phạm cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo Chuẩn nghề nghiệp tại các trường đại học địa phương. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp gồm: điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát, nghiên cứu sản phẩm hoạt động và xử lý số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động đào tạo năng lực sự phạm cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học đã có những chuyển biến tích cực, trong đó nội dung đào tạo được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực, các con đường đào tạo được triển khai đa dạng và sự phối hợp giữa nhà trường với các cơ sở thực hành, thực tập sự phạm ngày càng được tăng cường. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế về nội dung đào tạo, tổ chức các hoạt động đào tạo, mức độ chủ động tự học của sinh viên và việc khai thác môi trường số trong đào tạo... Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả đào tạo năng lực sự phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học theo Chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

Từ khoá: Đào tạo, năng lực sự phạm, sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, chuyển đổi số, trường đại học địa phương.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4741.07.2026.1483>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số là sự hội tụ của 4 công nghệ đột phá bao gồm: công nghệ điện toán đám mây (cloud computing), dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) (Thomas M.Siebel, 2019) [12]. Sự hội tụ của các công nghệ này khiến cho phạm vi hoạt động và ảnh hưởng của chuyển đổi số hết sức rộng lớn, trong đó ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo năng lực sự phạm (NLSP) cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học (GDTH).

Đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH cần đáp ứng các yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT (ban hành ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [1] và phát triển năng lực số để thích ứng với môi trường giáo dục hiện đại. Các cơ sở đào tạo cần phải đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng

¹ Khoa Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức; Email: truongthithao@hdu.edu.vn

² Trường Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

theo hướng tích hợp công nghệ số, góp phần hình thành, phát triển NLSP cho giáo viên tiểu học tương lai. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về chuyển đổi số trong đào tạo giáo viên, song các nghiên cứu tập trung vào hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo Chuẩn nghề nghiệp tại các trường đại học địa phương còn hạn chế. Trong khi đó, các trường đại học địa phương có những đặc thù về sứ mạng đào tạo, nguồn lực và điều kiện triển khai chuyển đổi số, đòi hỏi cần có những nghiên cứu thực tiễn làm cơ sở cho việc đổi mới hoạt động đào tạo. Đồng thời, hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương cần chuyển mạnh theo hướng phát triển năng lực số, tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện NLSP theo lộ trình trong suốt thời gian đào tạo [7].

Trên cơ sở đó, bài báo tập trung đánh giá thực trạng đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương làm cơ sở để đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp giữa định lượng và định tính. Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua khảo sát bằng bảng hỏi gồm 28 mục theo thang đo Likert 5 mức độ, tiến hành tại ba trường đại học địa phương: Trường Đại học Hồng Đức (Thanh Hoá), Trường Đại học Hạ Long (Quảng Ninh) và Trường Đại học Tân Trào (Tuyên Quang) trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2024.

Mẫu khảo sát được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích kết hợp với chọn mẫu phân tầng theo nhóm đối tượng, nhằm bảo đảm những người tham gia đều trực tiếp liên quan đến hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH. Việc lựa chọn ba trường đại học địa phương dựa trên các tiêu chí: (i) đều là cơ sở đào tạo sinh viên ngành GDTH; (ii) đại diện cho các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khác nhau; (iii) có quy mô và đặc điểm tổ chức đào tạo tương đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh và đối chiếu kết quả nghiên cứu.

Khách thể khảo sát gồm 42 CBQL, 106 giảng viên và chuyên viên, 555 sinh viên ngành GDTH. Việc phân tầng theo nhóm đối tượng giúp bảo đảm thu thập được ý kiến từ các chủ thể tham gia quản lý và tổ chức đào tạo, qua đó nâng cao tính đại diện và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Dữ liệu khảo sát và kết quả tổng hợp được cung cấp thông qua đường link dưới đây để bảo đảm tính minh bạch và khả năng kiểm chứng của nghiên cứu (Link kết quả khảo sát <https://drive.google.com/drive/u/1/folders/1jIKdzw4BNeJoTgpYvZjtMH6I24cAcuwg>). Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS với thống kê mô tả thông qua giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD); các mức đánh giá được phân loại từ 1.00 - 5.00 theo 5 mức: Kém, Yếu, Trung bình, Khá và Tốt.

Để bổ sung và kiểm chứng kết quả khảo sát, nghiên cứu sử dụng phỏng vấn bán cấu trúc, quan sát hoạt động đào tạo và phân tích chương trình đào tạo, hồ sơ giảng dạy của giảng viên, hồ sơ thực hành, thực tập và kết quả học tập của sinh viên ngành GDTH. Kết hợp các phương pháp giúp nghiên cứu mang tính khách quan, cung cấp dữ liệu đảm bảo độ tin cậy cho bài báo khoa học.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số vấn đề lý luận

Trường đại học địa phương là các trường đại học chịu sự quản lý về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quản lý nhà nước của UBND tỉnh, có sứ mệnh phục vụ nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương [16]. Trường đại học địa phương nắm chắc nhu cầu nhân lực của địa phương cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ [4]. Các ngành đào tạo của trường đại học địa phương thường được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh khối ngành SP, các trường đại học địa phương còn đào tạo các ngành kinh tế, kỹ thuật, nông nghiệp, y dược (tùy trường)... tạo ra một môi trường học thuật đa dạng nhưng cũng có sự phân tán nguồn lực phục vụ cho hoạt động đào tạo. So với các trường đại học quốc gia hoặc đại học sư phạm lớn, các trường đại học địa phương thường có quy mô nhỏ hơn, nguồn lực về đội ngũ giảng viên chuyên sâu, cơ sở vật chất và kinh phí có phần hạn chế hơn.

Chuyển đổi số (Digital Transformation) là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của các cá nhân và tổ chức về cách làm việc với các công nghệ số trên môi trường số (Hồ Tú Bảo và cộng sự, 2020), là quá trình chuyển các hoạt động từ thế giới thực sang thế giới ảo ở trên môi trường mạng [8][2]. Về bản chất, chuyển đổi số là sự hội tụ của 4 công nghệ đột phá bao gồm: công nghệ điện toán đám mây (cloud computing), dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) [12]. Điện toán đám mây, công nghệ máy tính làm thay đổi thực tiễn quản lý, thực tiễn làm việc của các tổ chức, đơn vị trong mọi lĩnh vực. Chuyển đổi số trong giáo dục là chuyển nền giáo dục truyền thống sang giáo dục số. Giáo dục số là giáo dục trên môi trường số với công nghệ số, trong đó môi trường số là các hoạt động giáo dục thực tế được kết nối với không gian mạng mà ở đó các hoạt động trong giáo dục dần được số hóa tạo ra dữ liệu và có thể kết nối được với nhau [3].

Đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp là quá trình tổ chức các học phần, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm và các hoạt động trải nghiệm nghề nhằm hình thành, phát triển và đánh giá các năng lực nghề nghiệp của sinh viên theo các nhóm tiêu chuẩn đã được quy định, bao gồm: Phẩm chất nhà giáo (yêu nghề, trách nhiệm, đạo đức, lối sống); Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ (năng lực dạy học, giáo dục học sinh, bồi dưỡng năng lực tự học và nghiên cứu khoa học giáo dục); Xây dựng môi trường giáo dục (môi trường an toàn, dân chủ, hợp tác, thân thiện); Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội (hợp tác với phụ huynh, đồng nghiệp, cộng đồng); Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng CNTT và khai thác công nghệ trong dạy học, giáo dục [11]. Đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương cần phải trang bị kiến thức sư phạm gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất nhân cách và khả năng thích ứng nghề nghiệp trong môi trường số hóa.

Từ các quan điểm trên có thể thấy, đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH trong bối cảnh chuyển đổi số là việc tích hợp công nghệ vào quá trình dạy học và đổi mới toàn diện mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá kết quả đào tạo NLSP cho sinh viên. NLSP của giáo viên tiểu học trong tương lai cần được phát triển đồng thời

với năng lực số, tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng khai thác dữ liệu giáo dục và sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách có trách nhiệm. Đối với các trường đại học địa phương, yêu cầu về phát triển NLSP và năng lực số cho sinh viên càng trở nên cấp thiết nhằm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đồng thời thích ứng với yêu cầu về nguồn lực giáo viên tiểu học và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực giáo dục của địa phương.

3.2. Những yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số đối với hoạt động đào tạo năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo Chuẩn nghề nghiệp

Yêu cầu của chuyển đổi số đối với nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp. Nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH là hệ thống tri thức khoa học, phương pháp dạy học - giáo dục ở tiểu học; hệ thống kỹ năng về nghề dạy học ở tiểu học, về nghiên cứu khoa học và tự học; hệ thống kinh nghiệm hoạt động sáng tạo và hệ thống tri thức về thái độ đối với ngành nghề phù hợp đảm bảo cho người học có khả năng thích ứng và làm chủ sự thay đổi của thực tiễn. Nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH gắn liền với chuẩn nghề nghiệp và vị trí việc làm của sinh viên ngành GDTH được xác định trong chuẩn đầu ra và được thể hiện trong chương trình đào tạo GDTH của các trường đại học [6]. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH cần phải giúp sinh viên rèn luyện phương pháp tư duy, NCKH và tìm tòi tri thức mới, vừa mang tính cơ bản, hiện đại, phát triển và chuyên sâu trong môi trường số. Hệ thống kiến thức được số hoá giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận với nguồn tài liệu đa dạng, phong phú, giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về việc hình thành và phát triển NLSP trong quá trình đào tạo ở trường đại học.

Yêu cầu của chuyển đổi số đối với các con đường thực hiện đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp. Hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH trong bối cảnh chuyển đổi số cần có sự thay đổi về cách thức thực hiện nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển NLSP, phát triển năng lực số đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường. Các con đường thực hiện đào tạo: thông qua giảng dạy các học phần NVSP; thông qua hoạt động rèn luyện NVSP thường xuyên; thông qua thực hành, thực tập sư phạm; thông qua nghiên cứu khoa học; thông qua các Hội thi NVSP... cần phải chú trọng đến việc sử dụng các ứng dụng công nghệ, các tài liệu số hoá... phục vụ cho hoạt động đào tạo.

Yêu cầu của chuyển đổi số đối với hoạt động của giảng viên trong đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp. Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò của giảng viên trong đào tạo NLSP theo chuẩn nghề nghiệp cho sinh viên là lãnh đạo, tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức, rèn luyện của sinh viên, giúp sinh viên tìm tòi, khám phá tri thức, rèn luyện thái độ, kỹ năng SP trong môi trường số. giảng viên khơi dậy được hứng thú, tiềm năng học tập của sinh viên, tập trung trang bị phương pháp tự học và nghiên cứu khoa học, khuyến khích việc tìm tòi, khám phá cái mới, tôn trọng sự khác biệt về quan điểm khoa học... giảng viên cần phải tham gia xây dựng chương trình, viết giáo trình, giáo án (kế hoạch dạy học), thực hiện số hoá các tài liệu dạy học và chuẩn bị các điều kiện thực hiện đào tạo. giảng viên tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy trên lớp, hướng dẫn sinh viên thực hành thực tập, đánh giá và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá kết quả đào tạo, hướng dẫn sinh viên NCKH... cần phải sử dụng các thiết bị công nghệ, sử dụng tài liệu số hoá và hướng dẫn sinh viên sử dụng tài liệu số hoá, rèn luyện kỹ năng sư phạm trong môi trường số...

Yêu cầu của chuyển đổi số đối với hoạt động học tập và tự đào tạo, tự rèn luyện NLSP theo chuẩn nghề nghiệp của sinh viên ngành GDTH. Hoạt động học tập của sinh viên ngành GDTH ở trường đại học là quá trình sinh viên tích lũy hệ thống kiến thức chuyên môn GDTH, hình thành phát triển kỹ năng sư phạm như: kỹ năng thiết kế bài học ở tiểu học, kỹ năng lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học ở tiểu học, kỹ năng dạy học tích hợp, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng giao tiếp SP, kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục học sinh tiểu học... phát triển lòng yêu nghề, yêu trẻ. Tự đào tạo là quá trình sinh viên tự tiến hành những hoạt động phối hợp nhằm chiếm lĩnh tri thức và nâng cao năng lực tư duy nhận thức thực tiễn để rèn luyện NLSP. Trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạt động học tập và tự đào tạo, tự rèn luyện NLSP của sinh viên ngành GDTH là hoạt động nhận thức mang tính chất nghiên cứu khoa học trong môi trường số. sinh viên cần phải sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ, biết cách khai thác tài liệu số hoá phục vụ cho quá trình chuẩn bị hoạt động học tập; thực hiện hoạt động học tập trên lớp, tự học ở nhà, thực hành - thực tập ở trường tiểu học; tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện NLSP của bản thân.

Yêu cầu của chuyển đổi số đối với các điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp. Các điều kiện để thực hiện hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số cần đảm bảo tính hiện đại để sinh viên được học tập, rèn luyện nhằm hình thành, phát triển NLSP. Hệ thống các điều kiện thực hiện đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH bao gồm: Cơ sở vật chất (phòng học, thư viện, phòng thực hành NVSP...); Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin; Hệ thống cơ sở thực hành, thực tập (các trường tiểu học); Tài liệu học tập và chương trình đào tạo; Môi trường học tập, rèn luyện tích cực... Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin cần được nâng cấp đảm bảo hệ thống máy móc, thiết bị, đường truyền internet... có thể sử dụng thuận lợi trong quá trình đào tạo NLSP cho sinh viên.

Trên cơ sở phân tích đặc điểm của trường đại học địa phương, yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên và xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục, nghiên cứu xác định năm nhóm yêu cầu cơ bản đối với hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH. Các yêu cầu này được sử dụng làm căn cứ xây dựng khung khảo sát thực trạng và phân tích kết quả nghiên cứu ở các phần tiếp theo.

3.3. Thực trạng hoạt động đào tạo năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo Chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương

3.3.1. Thực trạng nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, giảng viên, chuyên viên và sinh viên về mức độ hiệu quả thực hiện nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số

STT	Nội dung đào tạo	CBQL		Giảng viên, chuyên viên		Sinh viên	
		$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC
1	Nội dung đào tạo NLSP ngành GDTH được xây dựng trên môi trường số đảm bảo cho sinh viên hoàn thành chương trình học tập, giúp sinh viên hình thành và phát triển NLSP, không phụ thuộc vào thời gian	3.95	0.69	3.87	0.60	3.91	0.74
2	Nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH xây dựng theo hướng mở, dễ bổ sung và điều chỉnh trong môi trường số	4.07	0.74	3.98	0.56	4.01	0.75
3	Nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH mềm dẻo, đảm bảo trình tự hợp lý và có sự gắn kết giữa các học phần NVSP trong môi trường số	4.12	0.63	4.05	0.62	4.07	0.75
4	Các học phần được xây dựng có sự cân đối giữa nội dung lý thuyết và thảo luận, thực hành	3.90	0.61	3.83	0.60	3.86	0.68
5	Nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH góp phần hình thành phẩm chất và NL đặc trưng của GVTH	4.02	0.60	3.92	0.51	3.95	0.69
$\bar{X}_{\text{chung}}$		4.01		3.93		3.96	

Kết quả số liệu bảng 1 cho thấy, nội dung đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH được các nhóm khảo sát đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình lần lượt là 4.01 (CBQL), 3.93 (giảng viên và chuyên viên) và 3.96 (sinh viên). Kết quả khảo sát cho thấy, chương trình đào tạo bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển NLSP theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số, đặc biệt ở tính liên thông giữa các học phần và khả năng cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo. Trong các tiêu chí khảo sát, nội dung đào tạo có sự gắn kết giữa các học phần và được thiết kế theo hướng mở được đánh giá cao hơn, phản ánh sự quan tâm của các trường trong việc đổi mới chương trình theo tiếp cận phát triển năng lực. Tuy nhiên, đánh giá của các nhóm khách thể chỉ dừng ở mức khá cho thấy nội dung đào tạo vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Quan sát thực tiễn hoạt động đào tạo NLSP, tìm hiểu sản phẩm của hoạt động đào tạo và phỏng vấn cho thấy, thời lượng thực hành, rèn luyện NVSP chưa đáp ứng nhu cầu của sinh viên; một số học phần phương pháp giảng dạy còn thiên về lý thuyết, chưa tạo nhiều cơ hội để sinh viên thực hành thiết kế bài giảng, tập giảng và vận dụng công nghệ trong môi trường dạy học số. Bên cạnh đó, việc bố trí một số học phần trong thời gian ngắn do sử dụng giảng viên thỉnh giảng làm giảm cơ hội luyện tập thường xuyên của sinh viên. CBQL8 chia sẻ: *“Trong thời gian đầu triển khai chương trình, nhà trường phải mời giảng viên từ cơ sở đào tạo khác tham gia giảng dạy một số học phần NVSP, dẫn đến việc tổ chức học tập còn tập trung theo từng đợt”*. Thực trạng này cho thấy, mặc dù nội dung đào tạo đã có những điều chỉnh theo định hướng chuyển đổi số, nhưng việc tăng cường các hoạt động thực hành, tích hợp công nghệ và bảo đảm sự liên tục trong rèn luyện NLSP vẫn là yêu cầu cần được ưu tiên trong thời gian tới.

3.3.2. *Thực trạng các con đường thực hiện đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương*

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, giảng viên, chuyên viên và sinh viên về hiệu quả của các con đường thực hiện đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số

STT	Các hoạt động thực hiện đào tạo	CBQL		Giảng viên, chuyên viên		Sinh viên	
		$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC
6	Thông qua giảng dạy các học phần NVSP	4.02	0.66	3.97	0.62	3.96	0.73
7	Thông qua hoạt động rèn luyện NVSP thường xuyên	3.95	0.69	3.86	0.60	3.91	0.68
8	Thông qua thực hành, thực tập SP	4.05	0.66	3.91	0.61	4.02	0.66
9	Thông qua nghiên cứu khoa học	3.93	0.60	3.82	0.59	3.87	0.70
10	Thông qua hội thi	3.91	0.68	3.80	0.61	3.85	0.68
$\bar{X}_{\text{chung}}$		3.97		3.87		3.92	

Kết quả số liệu bảng 2 cho thấy, các con đường thực hiện đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp được các nhóm khảo sát đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình lần lượt là 3.97 (CBQL), 3.87 (giảng viên và chuyên viên) và 3.92 (sinh viên). Các trường đại học địa phương đã triển khai đào tạo NLSP cho sinh viên bằng nhiều con đường đào tạo nhằm hình thành và phát triển NLSP cho sinh viên ngành GDTH, đồng thời từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số. Các hoạt động đào tạo được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau, từ giảng dạy các học phần NVSP, tổ chức thực hành, thực tập sư phạm đến các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, góp phần phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cho sinh viên.

Trong điều kiện chuyển đổi số, hoạt động giảng dạy các học phần NVSP không chỉ được tổ chức theo hình thức trực tiếp mà còn từng bước kết hợp với các mô hình dạy học trực tuyến, lớp học đảo ngược và các phương thức dạy học có ứng dụng công nghệ số (Đoàn Thị Thanh Nhân, 2024). Thông qua giảng dạy các học phần NVSP, sinh viên được trang bị kiến thức về đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, cũng như kỹ năng khai thác và sử dụng các công cụ số phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục.

Tuy nhiên, kết quả đánh giá của các nhóm khách thể mới chỉ đạt mức khá, cho thấy việc tổ chức thực hiện đào tạo NLSP vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục khắc phục. Quan sát thực tiễn hoạt động đào tạo, nghiên cứu sản phẩm học tập của sinh viên và kết quả phỏng vấn cho thấy, việc khai thác các con đường đào tạo trong môi trường số chưa thực sự hiệu quả; phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của một bộ phận giảng viên chưa đa dạng, mức độ ứng dụng các nền tảng và công cụ số trong giảng dạy còn hạn chế, chưa tạo được môi trường học tập có tính tương tác cao và phát huy tính chủ động của sinh viên. Bên cạnh đó, một số giảng viên chưa có nhiều trải nghiệm thực tiễn tại trường tiểu học nên việc gắn kết giữa kiến thức lý luận với các tình huống nghề nghiệp còn chưa sâu sắc, ảnh hưởng đến hiệu quả rèn luyện NLSP của sinh viên. CBQL8 cho biết: “*giảng viên giảng dạy các học*

phần cần phải có kiến thức thực tiễn ở trường tiểu học, tuy nhiên, nhiều giảng viên nặng về kiến thức hàn lâm, tình huống sử dụng trong giảng dạy mang tính sách vở, máy móc, chưa cụ thể, một số giảng viên chưa tích cực sử dụng các công cụ số phục vụ hoạt động đào tạo...”. Bên cạnh những nguyên nhân từ phía nhà trường và đội ngũ giảng viên, kết quả khảo sát cũng cho thấy một bộ phận sinh viên chưa chủ động trong học tập, tự rèn luyện và phát triển NLSP theo chuẩn nghề nghiệp. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả đào tạo NLSP trong bối cảnh chuyển đổi số, các trường đại học địa phương cần tiếp tục đa dạng hóa các con đường thực hiện đào tạo NLSP cho sinh viên, tăng cường ứng dụng công nghệ số, đồng thời phát huy vai trò chủ động của giảng viên và sinh viên trong toàn bộ quá trình đào tạo.

3.3.3. *Thực trạng hoạt động của giảng viên trong đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương*

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, giảng viên, chuyên viên và sinh viên về hoạt động của giảng viên trong thực hiện đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số

STT	Hoạt động của giảng viên	CBQL		Giảng viên, chuyên viên		Sinh viên	
		$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC
11	Tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức, rèn luyện của sinh viên, giúp sinh viên tìm tòi, khám phá tri thức, rèn luyện thái độ, kỹ năng SP	3.93	0.51	3.88	0.51	3.91	0.61
12	Khơi dậy hứng thú, tiềm năng học tập của sinh viên, trang bị phương pháp tự học và nghiên cứu khoa học cho sinh viên, tôn trọng sự khác biệt về quan điểm khoa học	3.90	0.53	3.84	0.57	3.89	0.60
13	Tham gia xây dựng chương trình, viết giáo trình, giáo án (kế hoạch dạy học) và chuẩn bị các điều kiện thực hiện đào tạo	4.02	0.56	3.94	0.54	3.97	0.57
14	Thực hiện kế hoạch giảng dạy	4.05	0.53	3.98	0.55	3.99	0.57
15	Đánh giá và hướng dẫn tự đánh giá kết quả tự đào tạo của sinh viên	3.98	0.56	3.91	0.56	3.94	0.57
$\bar{X}_{\text{chung}}$		3.98		3.91		3.94	

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, hoạt động của giảng viên trong thực hiện đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp được các nhóm khách thể đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình lần lượt là 3.98 (CBQL), 3.91 (giảng viên và chuyên viên) và 3.94 (sinh viên). Đội ngũ giảng viên các trường đại học địa phương cơ bản thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ giảng dạy, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên theo định hướng phát triển năng lực trong bối cảnh chuyển đổi số. Quá trình triển khai kế hoạch giảng dạy được thực hiện thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá phù hợp nhằm giúp sinh viên hình thành hệ thống kiến thức, kỹ năng và

phẩm chất nghề nghiệp theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Hầu hết giảng viên đều thực hiện đầy đủ các quy định chuyên môn trong quá trình giảng dạy, bảo đảm tiến độ và nội dung của chương trình đào tạo. Đối với các học phần NVSP, giảng viên chú trọng nhiều đến việc chuẩn hóa tác phong, phương pháp và kỹ năng tổ chức dạy học, bởi đây là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành phong cách nghề nghiệp của sinh viên ngành GDTH thông qua hoạt động quan sát, học tập và mô phỏng. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy sự thống nhất với kết quả khảo sát. CBQL5 chia sẻ: *“Đội ngũ giảng viên của nhà trường thực hiện đúng quy định về hoạt động của người giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học”*. Tuy nhiên, mức độ đánh giá mới chỉ đạt ở mức khá cho thấy hoạt động giảng dạy của giảng viên vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục được cải thiện. Kết quả quan sát giờ giảng, nghiên cứu hồ sơ chuyên môn, sản phẩm học tập của sinh viên và phỏng vấn cho thấy, việc phát huy tính tích cực, khả năng sáng tạo và tôn trọng sự khác biệt trong tư duy khoa học của sinh viên chưa được thực hiện đồng đều giữa các giảng viên. Trong một số giờ học, việc tổ chức bài giảng còn thiên về truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng hệ thống hóa nội dung trọng tâm hoặc hướng dẫn sinh viên tự khái quát kiến thức sau mỗi bài học. Bên cạnh đó, việc gắn kết giữa lý luận với các tình huống nghề nghiệp thực tiễn còn chưa thật sự sinh động do một bộ phận giảng viên chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế tại các trường tiểu học. Nhận định này được minh chứng qua ý kiến của CBQL9: *“Kinh nghiệm thực tiễn của một bộ phận giảng viên vẫn còn hạn chế, việc vận dụng lý thuyết với thực hành thực tiễn chưa thực sự sinh động, những tình huống dạy học, giáo dục còn mang tính sách vở, máy móc...”*.

Ngoài ra, kết quả khảo sát và phỏng vấn còn cho thấy một số hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động giảng dạy. Một bộ phận giảng viên chưa đầu tư đầy đủ cho việc thiết kế học liệu điện tử, nội dung trình chiếu còn đơn giản, khả năng khai thác các phần mềm và công cụ số hỗ trợ dạy học còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả tổ chức các hoạt động học tập chưa cao. Một số sinh viên cũng phản ánh vẫn còn trường hợp kết quả đánh giá học phần chưa phản ánh đầy đủ năng lực thực tế, phải thực hiện phúc khảo bài thi. Tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng này, CBQL12 cho biết: *“Công tác quản lý ở Bộ môn/Khoa/Phòng vẫn còn mang tính hình thức, chưa có sự giám sát sâu về chuyên môn. Biểu hiện trong việc ký giáo án cho giảng viên lên lớp nhưng chưa có sự giám sát chặt chẽ xem bài có đảm bảo chuẩn đầu ra của học phần, của chương trình đào tạo, các bài kiểm tra có gắn với chuẩn đầu ra hay không...”*. Ý kiến này cho thấy công tác quản lý chuyên môn chưa thực sự đi vào chiều sâu, đặc biệt trong kiểm tra việc thực hiện chuẩn đầu ra và chất lượng tổ chức hoạt động dạy học. Quá trình đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ số chưa diễn ra đồng đều giữa các cá nhân. Một số giảng viên còn tâm lý e ngại thay đổi, chưa chủ động cập nhật các công cụ và nền tảng số phục vụ giảng dạy, làm hạn chế hiệu quả triển khai các mô hình dạy học trong môi trường số. giảng viên6 chia sẻ: *“Một số giảng viên trong khoa chưa tích cực đổi mới phương pháp dạy học, chưa thành thạo trong sử dụng các thiết bị công nghệ phục vụ cho giảng dạy”*. Thực trạng này cho thấy, bên cạnh việc nâng cao năng lực chuyên môn, các trường đại học địa phương cần tiếp tục chú trọng bồi dưỡng năng lực số, tăng cường giám sát chuyên môn và khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo NLSP cho sinh viên theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.3.4. *Thực trạng hoạt động học tập và tự đào tạo, tự rèn luyện NLSP của sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương*

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, giảng viên, chuyên viên và sinh viên về hoạt động học tập và tự đào tạo, tự rèn luyện NLSP của sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số

STT	Hoạt động của sinh viên	CBQL		Giảng viên, chuyên viên		Sinh viên	
		$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC
I	Chuẩn bị hoạt động học tập						
16	Nghiên cứu nội dung và chương trình học tập để hiểu chính xác, đầy đủ nội dung của bài học	3.98	0.51	3.92	0.58	3.94	0.58
17	Xác định trình tự logic của bài học và các tiêu chuẩn đánh giá	3.89	0.57	3.89	0.59	3.91	0.58
18	Xác định khung NLSP cần hình thành phát triển và xác định mục tiêu học tập, rèn luyện để hình thành phát triển NLSP	3.76	0.57	3.72	0.51	3.79	0.59
19	Lập kế hoạch học tập cho cá nhân dựa trên yêu cầu của chương trình dạy học và yêu cầu của giảng viên về hoạt động học tập, yêu cầu về việc hình thành phát triển NLSP	3.95	0.53	3.86	0.57	3.87	0.58
20	Chuẩn bị các phương tiện, điều kiện và tổ chức môi trường học tập	3.86	0.52	3.79	0.58	3.83	0.57
$\bar{X}_{chung}$		3.88		3.84		3.87	
II	Thực hiện hoạt động học tập trên lớp, tự học ở nhà và thực hành - thực tập ở trường tiểu học						
21	Tham gia vào quá trình tổ chức môi trường học tập để lĩnh hội kiến thức, kỹ năng và thái độ SP	4.10	0.57	3.99	0.56	4.01	0.59
22	Lựa chọn và sử dụng các phương pháp và phương tiện học tập phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình (nghiên cứu tài liệu, quan sát thao tác mẫu, luyện tập các kỹ năng sư phạm...)	4.02	0.56	3.95	0.57	3.96	0.57
23	Tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập	3.81	0.55	3.76	0.52	3.81	0.56
$\bar{X}_{chung}$		3.98		3.90		3.93	
$\bar{X}_{tổng chung}$		3.92		3.86		3.89	

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, hoạt động học tập và tự đào tạo của sinh viên trong quá trình phát triển NLSP theo chuẩn nghề nghiệp được các nhóm khách thể đánh giá

ở mức khá, với điểm trung bình lần lượt là 3.92 (CBQL), 3.86 (giảng viên và chuyên viên) và 3.89 (sinh viên). sinh viên ngành GDTH bước đầu đã hình thành ý thức tự học, tự bồi dưỡng và chủ động tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện nhằm phát triển NLSP trong quá trình đào tạo. Nhiều sinh viên đã quan tâm nghiên cứu chương trình đào tạo, xác định yêu cầu của từng học phần và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp để từng bước đáp ứng chuẩn đầu ra cũng như yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy một số sinh viên đã có định hướng rõ ràng trong việc lập kế hoạch học tập và rèn luyện ngay từ khi bắt đầu khóa học. sinh viên6 chia sẻ: *“Em đã xây dựng cho mình kế hoạch, lộ trình học tập ngay từ khi bước vào trường đại học để có thể phát triển năng lực của bản thân, đáp ứng yêu cầu của từng môn học nói riêng và đáp ứng yêu cầu của toàn thể chương trình học nói chung”*. Nhiều sinh viên đã nhận thức được vai trò của việc tự học và tự đào tạo đối với quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp.

Tuy nhiên, kết quả đánh giá chỉ đạt mức khá cho thấy hoạt động học tập và tự đào tạo của sinh viên vẫn còn những hạn chế nhất định. Tính chủ động trong học tập của một bộ phận sinh viên chưa cao; việc chuẩn bị nội dung học tập, nghiên cứu tài liệu và rèn luyện NLSP của sinh viên chủ yếu được thực hiện theo yêu cầu của giảng viên hoặc các nhiệm vụ được giao, khả năng tự xác định mục tiêu học tập và xây dựng kế hoạch phát triển năng lực cá nhân của sinh viên còn hạn chế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quá trình tự học và tự bồi dưỡng chưa thực sự trở thành nhu cầu thường xuyên của người học. Quan sát tại các hội thi NVSP và các hoạt động tập giảng cho thấy, nhiều sinh viên đã chuẩn bị giáo án tương đối đầy đủ nhưng chưa chú trọng chuẩn bị đầy đủ học liệu, sách giáo khoa, thiết bị và phương tiện dạy học phục vụ tổ chức bài giảng. Kỹ năng lập kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho hoạt động dạy học vẫn chưa được thực hiện một cách toàn diện.

Kết quả phỏng vấn cho thấy nhiều sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất, chưa có hiểu biết đầy đủ về khung NLSP và chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT. Mặc dù trong quá trình giảng dạy các học phần như Tâm lý học, Giáo dục học và phương pháp dạy học các môn học, giảng viên đã đề cập đến các yêu cầu về năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học, nhưng nội dung về khung NLSP chưa được thiết kế thành một nội dung hoặc chuyên đề riêng trong chương trình đào tạo. Vì vậy, sinh viên còn gặp khó khăn trong việc nhận diện đầy đủ các thành tố năng lực cần phát triển, từ đó chưa xác định rõ mục tiêu và lộ trình tự học, tự rèn luyện phù hợp với yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp.

Như vậy, bên cạnh việc nâng cao chất lượng tổ chức dạy học, các trường đại học địa phương cần quan tâm hơn đến việc hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, tăng cường tư vấn học tập, đồng thời cụ thể hóa khung NLSP theo chuẩn nghề nghiệp trong chương trình đào tạo để giúp sinh viên chủ động định hướng quá trình tự học, tự bồi dưỡng và phát triển năng lực nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.3.5. Thực trạng các điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, giảng viên, chuyên viên và sinh viên về các điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số

STT	Các điều kiện	CBQL		giảng viên, chuyên viên		Sinh viên	
		$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC	$\bar{X}$	ĐLC
24	Cơ sở vật chất (phòng học, thư viện, phòng thực hành NVSP...)	3.86	0.56	3.81	0.55	3.81	0.57
25	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin	3.81	0.55	3.76	0.57	3.78	0.56
26	Hệ thống cơ sở thực hành, thực tập (các trường tiểu học)	3.88	0.50	3.87	0.57	3.86	0.58
27	Tài liệu học tập và chương trình đào tạo	3.93	0.55	3.92	0.53	3.91	0.55
28	Môi trường học tập, rèn luyện tích cực	3.98	0.51	3.84	0.53	3.94	0.57
$\bar{X}_{\text{chung}}$		3.89		3.84		3.86	

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy, các điều kiện bảo đảm thực hiện hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp được các nhóm khách thể đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình lần lượt là 3.89 (CBQL), 3.84 (giảng viên và chuyên viên) và 3.86 (sinh viên). Các trường đại học địa phương đã có sự đầu tư và từng bước hoàn thiện các điều kiện phục vụ đào tạo, tạo nền tảng để triển khai hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số. Các điều kiện về chương trình đào tạo, học liệu, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và môi trường học tập cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động đào tạo theo định hướng phát triển năng lực.

Trong những năm gần đây, các trường đại học địa phương đã nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh trong đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo. Hệ thống phòng học từng bước được hiện đại hóa; thư viện được bổ sung máy tính, học liệu và nguồn tài nguyên điện tử; hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp, tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên khai thác các nền tảng số phục vụ hoạt động dạy học, nghiên cứu và tự học. Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định hiện hành, bảo đảm khối lượng kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; hệ thống học liệu ngày càng đa dạng với sự kết hợp giữa tài liệu in và tài liệu số, góp phần hỗ trợ sinh viên tiếp cận tri thức từ nhiều nguồn khác nhau như thư viện số của các trường đại học, Google Scholar, Academia và các cơ sở dữ liệu học thuật khác.

Tuy nhiên, kết quả đánh giá mới chỉ đạt mức khá cho thấy các điều kiện bảo đảm đào tạo vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục được khắc phục. Môi trường học tập ở một số lớp chưa thực sự tạo động lực để sinh viên tích cực tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện NLSP. Một số sinh viên cho rằng tinh thần học tập của tập thể chưa đồng đều, ảnh hưởng đến không khí học tập chung. sinh viên¹³ chia sẻ: “Nhiều bạn trong lớp không tích cực

trong học tập nên dẫn đến không khí lớp học chưa sôi nổi...”. Theo sinh viên¹⁰, nguyên nhân chủ yếu là do: “Còn nhiều sinh viên không để tâm vào việc học.” Từ góc độ quản lý, một số CBQL cho rằng nguyên nhân còn xuất phát từ việc phương pháp tổ chức dạy học của một bộ phận giảng viên chưa có sự đổi mới, chưa phát huy tối đa tính chủ động và hứng thú học tập của sinh viên.

Bên cạnh những hạn chế về môi trường học tập, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của quá trình chuyển đổi số. Một số thiết bị dạy học bị hư hỏng hoặc xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa, thay thế kịp thời; nhiều phòng học chưa được trang bị đồng bộ các phương tiện công nghệ hiện đại. Hệ thống phòng thực hành NVSP còn thiếu về số lượng và hạn chế về chất lượng thiết bị, gây khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động thực hành, mô phỏng và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Kết quả phỏng vấn cũng phản ánh rõ thực trạng này. giảng viên³ cho biết: “Nhiều khi muốn tổ chức cho sinh viên trình bày kết quả làm việc nhóm thì cô trò phải tìm phòng có đầy đủ thiết bị, máy móc, rồi lúc đó báo lại với phòng đào tạo về sự thay đổi địa điểm lớp học, rất vất vả...”. Điều này cho thấy việc khai thác cơ sở vật chất phục vụ dạy học còn gặp nhiều trở ngại, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức các phương pháp dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy.

Mặc dù công tác số hóa tài nguyên học liệu đã được các trường triển khai, nhưng hiệu quả khai thác thư viện số và các nguồn học liệu điện tử của sinh viên vẫn còn hạn chế. Nhiều sinh viên chưa thành thạo kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng các nguồn tài nguyên số phục vụ học tập, nghiên cứu và tự rèn luyện NLSP. Vì vậy, việc đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng số cần được thực hiện đồng bộ với hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ người học khai thác hiệu quả các nguồn học liệu số cũng như nâng cao năng lực số cho giảng viên và sinh viên. Đây là điều kiện quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo NLSP theo chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động đào tạo NLSP cho sinh viên ngành GDTH theo chuẩn nghề nghiệp tại các trường đại học địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực trong bối cảnh chuyển đổi số, thể hiện ở việc đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đổi mới nội dung chương trình và tăng cường ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Tuy nhiên, quá trình đào tạo vẫn còn những hạn chế như tỷ lệ lý thuyết – thực hành chưa hợp lý, mức độ tích hợp công nghệ và phát triển năng lực số của sinh viên chưa đồng đều, hoạt động nghiên cứu khoa học và rèn luyện NVSP còn chưa thường xuyên ở tất cả sinh viên, điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng số chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo... Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn để các trường đại học địa phương điều chỉnh chương trình đào tạo, tăng cường rèn luyện NVSP gắn với chuyển đổi số, hoàn thiện điều kiện bảo đảm chất lượng và xây dựng các biện pháp phát triển NLSP cho sinh viên ngành GDTH, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Đồng thời, nghiên cứu cũng mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về xây dựng mô hình đào tạo NLSP tích hợp năng lực số và đánh giá hiệu quả của các biện pháp trong bối cảnh đào tạo đại học ở các địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*, Ban hành kèm theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
- [2] Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nxb. Thông tin Truyền thông, Hà Nội.
- [3] Đỗ Thị Thu Hằng (2022), *Xây dựng văn hoá nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số - Vấn đề đặt ra cho cán bộ quản lý trường học*, Tạp chí Giáo dục, 22(3):13-18.
- [4] Dương Đức Hùng (2019), *Vai trò phục vụ cộng đồng của các trường đại học địa phương*, Tạp chí khoa học - Trường Đại học Hải phòng, 37(tháng 11):18-23.
- [5] Koehler, M. J., & Mishra, P. (2009), *What is technological pedagogical content knowledge (TPACK)?* Contemporary Issues in Technology and Teacher Education, 9(1):60-70.
- [6] Chế Thị Hải Linh (chủ biên), Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Hương, Trần Thị Thơm, Bùi Thị Lự (2023), *Quản lý đào tạo giáo viên tiểu học theo tiếp cận năng lực ở các trường đại học sư phạm*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Danh Nam (2021), *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và mô hình đào tạo giáo viên theo định hướng chuẩn*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Thái Nguyên (TNU Journal of Science and Technology), 226(18):03-11.
- [8] Tô Hồng Nam (2020), *Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp*, <https://hvcsnd.edu.vn/chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-giao-duc-va-dao-tao-thuc-trang-va-giai-phap-10002> (ngày truy cập 12/9/2024).
- [9] Đoàn Thị Thanh Nhân (2024), *Blended Elearning - Mô hình lớp học đảo ngược trên nền tảng VLE Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và xây dựng năng lực tự học cho sinh viên trong thời kì kỷ nguyên số*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 20(1):60-6.
- [10] OECD. (2021), *Digital Education Outlook 2021: Pushing the Frontiers with AI, Blockchain and Robots*, Paris: OECD Publishing, <https://doi.org/10.1787/589b283f-en>.
- [11] Trương Thị Thảo (2026), *Quản lý hoạt động đào tạo năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo Chuẩn nghề nghiệp tại các trường đại học địa phương*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [12] Thomas M. Siebel (2019), *Chuyển đổi số (Digital Transformation)* (Phạm Anh Tuấn dịch), Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- [13] Nguyễn Xuân Thúc (2007), *Tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [14] UNESCO (2018), *A Global Framework of Reference on Digital Literacy*, In Information Paper, 51(51):1-146.
- [15] UNESCO (2022), *Guidelines for ICT Infrastructure in Education*, Paris: UNESCO Publishing.

- [16] Nguyễn Huy Vi, Lê Bạt Sơn (2014), *Mô hình Trường đại học địa phương ở Việt Nam - Lí luận và thực tiễn*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học An Giang, 2(1):95-99.
- [17] Vuorikari, R., Kluzer, S., & Punie, Y. (2022), *The Digital Competence Framework for Citizens (DigComp 2.2): With New Examples of Knowledge, Skills and Attitudes*, Luxembourg: Publications Office of the European Union.

TRAINING PEDAGOGICAL COMPETENCIES FOR PRIMARY EDUCATION STUDENTS IN ACCORDANCE WITH PROFESSIONAL STANDARDS FOR GENERAL EDUCATION TEACHERS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION AT LOCAL UNIVERSITIES

Truong Thi Thao, Pham Thi Hong Vinh, Nguyen Thi Minh Nguyet

ABSTRACT

Digital transformation has created new requirements for the development of pedagogical competencies among Primary Education students in accordance with the Professional Standards for General Education Teachers at local universities. This study employed a mixed-methods approach, combining questionnaire surveys, interviews, observations, document analysis, and statistical data processing. The findings indicate that pedagogical competency training has achieved positive progress, with competency-based curriculum design, diverse training pathways, and strengthened collaboration between local universities and partner primary schools for teaching practicum and internships. However, several limitations remain, including curriculum content, the organization of training activities, students' self-directed learning, and the effective integration of digital learning environments into the training process. These findings provide an empirical basis for proposing measures to enhance the effectiveness of pedagogical competency training for Primary Education students in accordance with the Professional Standards, thereby meeting the requirements of digital transformation in education.

Keywords: *Training, pedagogical competency, primary education students, digital transformation, local universities.*

* Ngày nộp bài: 24/06/2026; Ngày gửi phản biện: 03/07/2026; Ngày duyệt đăng: 15/07/2026